TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **212**/2026/DS-ST
Ngày 28 - 08 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bạo

Bà Trần Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Thế Vũ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1138/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 07 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1174/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 08 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V** (V1); trụ sở: Tòa nhà VPBank Tower, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T; Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và ông Nguyễn Văn C; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Tầng D, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng *(Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/03/2026 và số 011554/2026/VB-VPB ngày 22/04/2026). (ông C có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hiển T1**, sinh năm: 1996; CMND số: 201752616; ngày cấp: 15/11/2018; nơi cấp: Công an thành phố Đ; Địa chỉ: E P, tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ông Nguyễn Hiển T1 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Ngày 14/10/2021, ông Nguyễn Hiển T1 có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ (Hợp đồng 104-P-0792985) với các thỏa thuận cơ bản sau: hạn mức đề nghị: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*; loại thẻ: MC StepUp Credit; mục đích vay: phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ (2.99%/tháng); lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hiển T1 đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là: 607.432.000 đồng, nộp lại số tiền là: 565.687.135 đồng; trong đó, trả gốc là: 559.083.982 đồng, trả lãi là: 4.305.253 đồng, trả phí là: 2.297.900 đồng. Ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 08/11/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Nguyễn Hiển T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ của khoản vay, tạm tính đến ngày 28/08/2026 của ông Nguyễn Hiển T1 tại V1 là: 121.349.127 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng)*, bao gồm: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

- Ngày 13/10/2022, ông Nguyễn Hiển T1 ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ (Hợp đồng LN2210117046554) với các thỏa thuận: số tiền cho vay: 210.000.000 đồng *(Hai trăm mười triệu đồng)*; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán bảo hiểm; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 32%; lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông Nguyễn Hiển T1 đã trả cho V1 tổng số tiền là: 100.172.274 đồng, trong đó: G đã trả: 35.307.404 đồng; L đã trả: 64.864.870 đồng (lãi trong hạn đã trả: 64.864.870 đồng; lãi quá hạn đã trả: 0 đồng). Ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 13/11/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Nguyễn Hiển T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ của khoản vay, tạm tính đến ngày 28/08/2026 của ông Nguyễn Hiển T1 tại V1 là: 427.365.027 đồng *(Bốn trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng),* trong đó: nợ gốc 174.692.596 đồng; nợ lãi 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Do ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thiện chí thanh toán nên V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/08/2026 là:

548.714.154 đồng (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng),* gồm: nợ gốc: 223.040.614 đồng và nợ lãi: 325.673.540 đồng (lãi trong hạn: 4.878.636 đồng; lãi quá hạn: 320.794.904 đồng). Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng số 104-P-0792985 ngày 14/10/2021: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

Theo Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022: nợ gốc: 174.692.596 đồng; nợ lãi: 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/08/2026 cho đến khi trả hết dư nợ theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký.

** Bị đơn ông Nguyễn Hiển T1 mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lê các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Hiển T1 đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 28/08/2026 là 548.714.154 đồng (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng),* gồm: nợ gốc: 223.040.614 đồng và nợ lãi: 325.673.540 đồng (lãi trong hạn: 4.878.636 đồng; lãi quá hạn: 320.794.904 đồng). Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng 104-P-0792985 ngày 14/10/2021: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

Theo Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022: nợ gốc: 174.692.596 đồng; nợ lãi: 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/08/2026 cho đến khi trả hết dư nợ theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Hiển T1 là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hiển T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: ông Nguyễn Hiển T1 đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/10/2021 (Hợp đồng 104-P-0792985) và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2210117046554 ngày 13/10/2022 (Hợp đồng LN2210117046554) để vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1). Các hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng 104-P-0792985 ngày 14/10/2021 thì V1 đã cấp hạn mức tín dụng thẻ là: 50.000.000 đồng; loại thẻ: MC StepUp Credit; mục đích vay: phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ (2.99%/tháng); lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hiển T1 đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là: 607.432.000 đồng, nộp lại số tiền là: 565.687.135 đồng; trong đó, trả gốc là: 559.083.982 đồng, trả lãi là: 4.305.253 đồng, trả phí là: 2.297.900 đồng. Từ ngày 08/11/2023, ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 28/08/2026 của ông Nguyễn Hiển T1 tại V1 là: 121.349.127 đồng, bao gồm: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022 thì V1 cho ông T1 vay số tiền: 210.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán bảo hiểm; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 32%/năm; lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện Hợp đồng, V1 đã giải ngân đầy đủ số tiền trên và được ông Nguyễn Hiển

T1 trả tổng số tiền là: 100.172.274 đồng, trong đó: gốc đã trả: 35.307.404 đồng; lãi đã trả: 64.864.870 đồng (lãi trong hạn). Ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 13/11/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn là 48%/năm. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 28/08/2026 của ông Nguyễn Hiển T1 tại V1 là: 427.365.027 đồng, trong đó: nợ gốc 174.692.596 đồng; nợ lãi 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Ông Nguyễn Hiển T1 đã vi phạm nghĩa vụ và không thiện chí trả nợ nên V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải trả cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 28/08/2026 là: 548.714.154 đồng, gồm: nợ gốc: 223.040.614 đồng và nợ lãi: 325.673.540 đồng (lãi trong hạn: 4.878.636 đồng; lãi quá hạn: 320.794.904 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Hiển T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của V1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hòa giải nhưng đã không có ý kiến, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1; buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến 28/08/2026 là 548.714.154 đồng, gồm: nợ gốc: 223.040.614 đồng và nợ lãi: 325.673.540 đồng (lãi trong hạn: 4.878.636 đồng; lãi quá hạn: 320.794.904 đồng). Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng 104-P-0792985 ngày 14/10/2021: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

Theo Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022: nợ gốc: 174.692.596 đồng; nợ lãi: 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Ông Nguyễn Hiển T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng 104-P-0792985 ngày 14/10/2021 và Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu của V1 được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên HĐXX chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

- Điều 100, Điều 103 ;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Hiển T1.

Buộc ông Nguyễn Hiển T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 28/08/2026 là 548.714.154 đồng (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng),* gồm: nợ gốc: 223.040.614 đồng và nợ lãi: 325.673.540 đồng (lãi trong hạn: 4.878.636 đồng; lãi quá hạn: 320.794.904 đồng). Cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng 104-P-0792985 ngày 14/10/2021: nợ gốc thẻ: 48.348.018 đồng; nợ lãi thẻ: 73.001.109 đồng.

Theo Hợp đồng LN2210117046554 ngày 13/10/2022: nợ gốc: 174.692.596 đồng; nợ lãi: 252.672.431 đồng (lãi trong hạn 4.878.636 đồng; lãi quá hạn 247.793.795 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hiển T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 14/10/2021 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2210117046554 ngày 13/10/2022. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 25.948.566 đồng *(Hai mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm sáu mươi sáu đồng)* ông Nguyễn Hiển T1 phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 11.996.410 đồng *(Mười một triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm mười đồng)* cho Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu số 0005265 ngày 19/05/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/08/2026.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số*

106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy